



Số: 1618 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 891/NQ-UBTVQH13 ngày 11/3/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Về việc thành lập thị xã Đông Triều và 06 phường thuộc thị xã Đông Triều”;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch Quy hoạch tổng thể; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Báo cáo thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1248/TTr-KHĐT ngày 03/6/2015, đề nghị của UBND thị xã Đông Triều tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 27/5/2015 và Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến số 99/BC-UBND ngày 27/5/2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

I. Quan điểm phát triển :

- Phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh, của vùng Đồng bằng sông Hồng, của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và với cả nước; đồng thời phát huy những giá trị khác biệt về địa kinh tế, địa chính trị của thị xã Đông Triều.

- Phát triển kinh tế - xã hội bền vững phù hợp với các mục tiêu của chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch theo phương thức sản xuất từ “nâu” sang “xanh”, ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ và các ngành công nghiệp phi khai khoáng và thực hiện khai thác than sạch hơn và bền vững hơn. Phát triển nông nghiệp giá trị cao đảm bảo an ninh lương thực cho Tỉnh và khu vực. Thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

- Phát triển kinh tế - xã hội dựa trên cơ sở phát huy các tài sản hiện có và các dự án mang tính đột phá với sự thúc đẩy từ bên ngoài, tận dụng hiệu quả lợi thế so sánh của Đông Triều, bao gồm tài sản du lịch tự nhiên và văn hoá độc đáo, tài nguyên than dồi dào và các loại tài nguyên khoáng sản khác, vị trí địa lý cũng như các tiềm năng để phát triển giao thông thủy nội địa và nền kinh tế nông nghiệp. Phát triển du lịch lịch sử tâm linh và sinh thái kết nối với quần thể các trọng điểm du lịch trong vùng.

- Coi phát triển nguồn nhân lực là một trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển và thu hút nguồn lao động có kỹ năng cao để đẩy mạnh việc áp dụng các sáng kiến khoa học kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu phát triển.

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với quy hoạch đảm bảo an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, cải thiện mức sống người dân, đảm bảo phát triển xã hội và bình đẳng giữa các tầng lớp xã hội, giữa khu vực đô thị và nông thôn.

- Chủ động hội nhập và hợp tác với các địa phương trong Tỉnh, cũng như các địa phương khác ngoài Tỉnh, tận dụng các điều kiện thuận lợi và giải quyết các tác động tiêu cực đối với nền kinh tế của địa phương. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2020, Đông Triều sẽ trở thành đô thị loại III, có nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp đa dạng và bền vững, là đầu mối thương mại của vùng, điểm đến du lịch và là một trong những đô thị hàng đầu ở tỉnh Quảng Ninh với cơ sở hạ tầng về kỹ thuật, đô thị và kinh tế - xã hội tiên bộ; giảm nghèo bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; đảm bảo giữ gìn và bảo vệ môi trường bền vững; giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy giá trị các tài sản văn hóa của địa phương.

Đến năm 2030, Đông Triều sẽ trở thành thành phố Đông Triều, có một nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ hiện đại với các lĩnh vực sản xuất - xuất khẩu tiên tiến, được hỗ trợ bởi các ngành dịch vụ phát triển mạnh mẽ dựa vào du lịch, hậu cần và thương mại.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá trị gia tăng) giai đoạn 2013-2020 đạt 14,2%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 7%/năm.

- Cơ cấu giá trị tăng thêm:

+ Năm 2020, nông nghiệp chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 38%.

+ Năm 2030, nông nghiệp chiếm 3%; công nghiệp - xây dựng chiếm 53%; dịch vụ chiếm 44%.

- GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành): Năm 2020 đạt khoảng 5.200 USD; đến năm 2030 đạt khoảng 13.000 USD.

- Phân đầu mức thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 10-15%/năm.

b) Về văn hoá xã hội, giáo dục đào tạo:

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2013-2020 là 0,93%; Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,8% vào năm 2020 và đến năm 2030 không còn hộ nghèo; Tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4,3%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90% vào năm 2020, 95% vào năm 2030;

- Phân đầu đến năm 2020: Duy trì bền vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 và phổ cập Trung học cơ sở, phân đầu phổ cập Trung học phổ thông vào năm 2020; 100% giáo viên tiểu học, 90% giáo viên mầm non và trung học cơ sở, 20% giáo viên trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn về trình-độ đào tạo;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đạt dưới 8% vào năm 2020; số giường bệnh đạt 35 giường/vạn dân; Tỷ lệ xã có bác sĩ đạt 100% từ năm 2015; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Đến năm 2020: 95% chất thải rắn đô thị được thu gom và 85% được xử lý; chất thải rắn các khu, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 70%; 60% nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.

- Đến năm 2030: phân đầu 100% chất thải rắn đô thị được thu gom và 90% được xử lý; 80% nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.

- 100% dân số thành thị được sử dụng nước sạch và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh vào năm 2020; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55% vào năm 2020 và trên 55% vào năm 2030.

d) Về xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục duy trì và phát huy danh hiệu huyện đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2015.

e) Về đảm bảo an ninh - quốc phòng

Xây dựng quốc phòng vững mạnh, đảm bảo ổn định vững chắc an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Xây dựng Đông Triều trở thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế một cách chủ động tích cực.

III. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực:

1. Dịch vụ:

Phân đầu tốc độ tăng trưởng (giá trị tăng thêm) ngành dịch vụ giai đoạn 2013-2020 đạt 15,5%/năm, giai đoạn 2021-2030 đạt 8,5%/năm.

- Du lịch: Phát triển thị xã Đông Triều thành một trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh về du lịch trải nghiệm, du lịch làng quê (Tập trung vào đối tượng du khách phương Tây) và du lịch tâm linh (Tập trung vào đối tượng du khách trong nước); Bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử nhà Trần và nhân rộng mô hình du lịch trải nghiệm làng quê, đặc biệt tại làng Việt cổ ở Yên Đức và các làng nghề; Tập trung vào công tác quy hoạch và xây dựng cơ chế chính sách cho ngành du lịch nhằm thu hút đầu tư vào xây dựng cơ sở vật chất và phát triển dịch vụ. Phân đầu đến năm 2020, khách tham quan du lịch đạt 1.150.000 lượt, trong đó 80% là du khách trong nước, 20% là du khách nước ngoài.

- Thương mại: khuyến khích phát triển các sản phẩm mà Đông Triều có lợi thế như nông sản và thực phẩm; Đẩy mạnh công tác xúc tiến quảng bá tiếp cận thị trường quốc tế; Nâng cấp cơ sở hạ tầng bán lẻ để đẩy mạnh tiêu thụ bán lẻ tại địa phương và khối lượng nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng cho Thị xã. Tiếp tục và đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý đối với các chợ theo hướng giảm đầu tư công, thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác - công tư (PPP) đảm bảo cân đối cung cầu của các chợ, giữ được tính truyền thống và chi phí phù hợp. Tập trung nguồn lực đầu tư các trung tâm thương mại của thị xã (khu trung tâm thương mại, dịch vụ-tổng hợp gắn với công trình Cổng tỉnh, khu trung tâm thương mại phía Bắc đường tránh, tại phường Kim Sơn, phường Mạo Khê, các trung tâm thương mại trong các khu đô thị).

- Vận tải - kho bãi: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng đường bộ và đường sắt để nâng cao hiệu quả của ngành vận tải - kho bãi trên bộ và vận chuyển, hỗ trợ phân phối các sản phẩm của địa phương ra thị trường trong nước và quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh cho sản phẩm của địa phương; Nghiên cứu thiết lập các cụm dịch vụ vận tải - kho bãi chuyên ngành; Khuyến khích các doanh nghiệp nâng cấp đúng chuẩn các hoạt động vận chuyển hiện có với thiết bị, cách thức quản lý và quy tắc hoạt động tiên tiến đồng thời giám sát công nghệ để nâng cao năng suất, đặc biệt là năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, lợi nhuận; Nâng cấp và mở rộng các cơ sở đào tạo nghề công nghiệp để tăng cường cung cấp lao động lành nghề cho các lĩnh vực vận chuyển.

- Tài chính: Khuyến khích, thu hút các nguồn vốn đầu tư, thu hút những ngân hàng lớn có nguồn lực tài chính mạnh và khả năng hội nhập quốc tế; Mở rộng, củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống ngân hàng của thị xã Đông Triều một cách toàn diện, đẩy mạnh hình thức ngân hàng điện tử và phát triển hạ tầng thanh toán phi tiền mặt; Tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các dịch vụ tài chính như kiểm toán, tư vấn tài chính.

2. Công nghiệp xây dựng

Phân đầu tốc độ tăng trưởng (giá trị tăng thêm) ngành công nghiệp, xây dựng giai đoạn 2013-2020 đạt 14,5%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 6,2%/năm.

- Ngành khai thác than: Cùng với việc phát triển ngành than, chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường để tránh tác động tiêu cực tới ngành du lịch, thông qua việc giới hạn tác động tiêu cực đến môi trường của hoạt động khai thác lộ thiên để hỗ trợ các ngành công nghiệp sạch và xanh hơn. Đẩy mạnh hợp tác với Vinacomin và Tổng công ty Đông Bắc để nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ khai thác than, đặc biệt là khai thác hầm lò. Sử dụng các trang thiết bị tiên tiến nhất hiện có để nâng năng suất lao động cũng như để kiểm soát các vấn đề môi trường.

- Ngành chế biến, chế tạo: Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp địa phương, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phát triển tập trung những ngành sản xuất hỗ trợ: thiết lập các cụm công nghiệp chế biến than và sản xuất vật liệu xây dựng nhằm tăng năng suất sản xuất. Đảm bảo ranh giới đệm khoảng cách phù hợp với các khu du lịch và khu dân cư; Phát triển ngành chế biến thực phẩm để hỗ trợ nâng cao sản lượng nông nghiệp của thị xã, tạo tài sản thương hiệu mạnh hơn, nâng cao hiệu quả và tạo giá trị gia tăng cao hơn cho ngành nông nghiệp; Phát triển lĩnh vực sản xuất máy móc thiết bị hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng và khai khoáng; Tiếp tục phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển chung của quốc gia và của tỉnh.

- Ngành sản xuất điện: Phát triển và thực hiện các biện pháp thực tiễn đảm bảo việc cung cấp điện bền vững, ổn định thân thiện với môi trường. Xây dựng thêm các tiêu chuẩn về môi trường đối với ngành sản xuất điện để phù hợp với yêu cầu quốc tế đối với bụi, chất thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn.

3. Nông nghiệp

- Phân đấu tốc độ tăng trưởng (giá trị tăng thêm) ngành nông nghiệp giai đoạn 2013-2020 đạt 4%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 2,2%/năm.

- Trồng trọt: Khuyến khích nông dân trồng các loại giống có năng suất và chất lượng cao, ứng dụng những biện pháp công nghệ cao vào trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; phát huy các sản phẩm có thể mạnh và đã tạo được thương hiệu của địa phương (nếp cái hoa vàng, na dai, quả vải, cam canh...). Quy hoạch những vùng sản xuất hàng hóa tập trung (vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng trồng nếp cái hoa vàng, vùng trồng na, trồng vải, vùng trồng thanh long, vùng chuyên trồng mầu, trồng hoa. Phát huy lợi thế khu nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các vùng nông nghiệp chuyên canh trên địa bàn, tạo ra các sản phẩm có chất lượng quốc tế, thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt là công nghiệp chế biến nông sản.

- Chăn nuôi: khuyến khích, tạo dựng các mô hình chăn nuôi tập trung đối với gia cầm, gia súc; khuyến khích, mời gọi các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị từ chăn nuôi tập trung, khu giết mổ tập trung cung ứng cho thị trường các sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Lâm nghiệp: Tiếp tục khuyến khích các hộ dân tham gia trồng và bảo vệ rừng, đa dạng hóa ngành lâm nghiệp từ cây có vòng đời ngắn, giá trị thấp

sang cây lâu năm có giá trị cao hơn, chú trọng đến quy hoạch các vùng trồng tại các xã Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây, Hoàng Quế..., cải tiến phương thức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ; khuyến khích trồng các loại “cây năng lượng” phục vụ công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất viên nén nhiên liệu tại địa phương, phục vụ xuất khẩu; áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong việc trồng, bảo dưỡng, thu hoạch nhằm nâng cao năng suất, an toàn và bảo vệ môi trường.

- Thủy sản: Tiếp tục nâng cao hiệu quả các vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại các khu vực Yên Đức, Hoàng Quế, Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây ... tập trung vào các loại giống phù hợp với điều kiện của địa phương (cá mè, cá trắm, cá rô phi, cá chim trắng...); áp dụng công nghệ nuôi trồng phù hợp với điều kiện của địa phương, thực hiện chính sách quy hoạch và bảo vệ môi trường để đảm bảo môi trường cho công tác phát triển.

4. Các lĩnh vực văn hóa xã hội

a) Nguồn nhân lực:

Phát triển nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá, vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài, để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của thị xã, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và thực hiện tiến bộ xã hội. Phát triển nhân lực phải đảm bảo thỏa mãn yêu cầu khai thác có hiệu quả các thế mạnh của Thị xã. Tăng cường mở rộng quan hệ và hợp tác để phát triển nhân lực, đặc biệt là bộ phận nhân lực có trình độ cao nhằm thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững theo hướng hội nhập quốc tế.

Quán triệt việc thực hiện đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” trong công tác phát triển nguồn nhân lực của thị xã trong giai đoạn tới. Phần đầu đến năm 2020: 90-95% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp thị xã, cấp xã, phường có trình độ đại học, cao đẳng; 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn chức danh và đảm bảo cơ cấu tỷ lệ hợp lý về độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành, lĩnh vực.

b) Giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và cơ sở vật chất các trường học, kiên cố hóa 100% các trường học trên địa bàn. Ưu tiên huy động vốn từ khu vực tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng giáo dục. Thực hiện tốt hơn công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Cải cách tuyển dụng và chính sách bồi dưỡng nhằm giữ chân và thu hút giáo viên dạy giỏi.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục đào tạo, hợp tác với các doanh nghiệp và trường học để gắn kết đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Đảm bảo chuẩn hóa giáo dục đào tạo theo quy định của Nhà nước, đặc biệt là số lượng học sinh trong một lớp, diện tích lớp học, diện tích trường học... Nâng cao chất lượng giảng dạy bằng cách bồi dưỡng và thu hút nhân tài, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt trong việc học tập tiếng Anh và các ngoại ngữ khác; Hợp tác với các doanh nghiệp và trường học để gắn kết đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

c) Y tế:

- Phần đầu giảm tỷ lệ mắc bệnh tật và tử vong, nâng cao chất lượng dân số, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương. Tập trung phát triển 3 lĩnh vực y tế gồm: phòng bệnh, chữa bệnh và quản lý. Về phòng bệnh: Phát triển hạ tầng y tế trong phòng bệnh, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời tăng cường xã hội hóa công tác phòng ngừa, bảo vệ sức khỏe; Về chữa bệnh: phát triển hạ tầng y tế trong khám chữa bệnh và cấp cứu, nâng cao khả năng chuyên ngành của đội ngũ y bác sĩ; Về quản lý: đảm bảo đủ khả năng theo dõi, phối hợp, hỗ trợ cho hai lĩnh vực trên, đặc biệt quan tâm đến cơ chế tài chính để đảm bảo công bằng trong khám chữa bệnh, cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng y tế hiện có, đặc biệt đối với các thiết bị y tế chuyên khoa, ưu tiên sử dụng nguồn tài chính từ đầu tư tư nhân và huy động vốn từ hình thức hợp tác công – tư; Cải cách tuyển dụng và chính sách bồi dưỡng nhằm giữ chân và thu hút cán bộ y tế giỏi. Duy trì đến năm 2020 tỷ lệ số xã có bác sĩ đạt 100%.

d) Văn hóa và thể thao:

Tập trung cải thiện cơ sở hạ tầng văn hoá để phát triển kinh tế - xã hội lành mạnh, đặc biệt là các khu liên hợp thể thao được trang bị cơ sở vật chất dành cho thi đấu/đào tạo và trang thiết bị cơ bản cho các xã nghèo và đầu tư phương tiện giải trí cho khu vực thành thị đáp ứng nhu cầu giải trí và văn hóa của người dân. Phần đầu đến năm 2020: 100% các xã, phường và thị xã có cơ sở văn hoá; 100% xã, phường có nhà văn hóa; 95% xã, phường đạt tiêu chuẩn “văn hoá”.

e) Khoa học công nghệ:

- Đẩy nhanh ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực, xác định khoa học và công nghệ là động lực thúc đẩy chính đối với phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Đông Triều. Sử dụng công nghệ thông tin để phát huy giá trị tài sản du lịch của thị xã Đông Triều, đặc biệt là di tích lịch sử nhà Trần; Nghiên cứu áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường vào hoạt động kinh doanh nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường; Đưa các ngành công nghiệp và các giai đoạn sản xuất có giá trị cao hơn, tạo ra các sản phẩm công nghệ cao hoặc ứng dụng công nghệ cao đưa thị xã Đông Triều đi lên trong chuỗi giá trị; Tăng cường ứng dụng và cải tiến khoa học công nghệ để tăng năng suất và hiệu quả của các hoạt động kinh tế - xã hội hiện có một cách bền vững;

- Nghiên cứu ứng dụng những giải pháp dựa trên công nghệ như các trạm xá lưu động, tổng đài giải đáp y tế và phương tiện học tập điện tử để cung cấp các dịch vụ y tế và giáo dục cho người dân; Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng, đất đai để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước.

f) Thông tin và truyền thông:

Tập trung nâng cao tỷ lệ và chất lượng phủ sóng thông tin, đặc biệt đối với những địa phương có mức phủ sóng phát thanh và truyền hình thấp:

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ phát thanh - truyền hình.

+ Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện số hóa truyền dẫn cho các chương trình truyền hình.

+ Mở rộng cơ sở hạ tầng truyền hình cáp, truyền hình số mặt đất, kết nối Internet.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Hạ tầng giao thông vận tải:

- Đường bộ: Đẩy nhanh việc xây dựng tuyến đường cao tốc nối Hà Nội với Hạ Long qua thị xã Đông Triều; cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 từ cấp III lên cấp II đặc biệt là các đoạn đường từ Đông Triều đến Hạ Long, xây dựng tuyến đường vành đai phía Nam của thị xã; hoàn thiện xây dựng tuyến đường nối giữa danh thắng Yên Tử và khu di tích lịch sử nhà Trần; nâng cấp tỉnh lộ 332 và 333 lên loại III đến năm 2020; nâng cấp Tỉnh lộ 345 lên loại V đến năm 2020, mục tiêu nâng cấp lên loại III đến năm 2030; Nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 18 trên địa bàn xã Thủy An, qua địa bàn xã Nguyễn Huệ nối với tỉnh Hải Dương bằng cầu bắc qua sông Đông Mai và tuyến đường trung tâm thị xã Đông Triều từ Quốc lộ 18 vào Khu di tích Ngọa Vân.

- Đường sắt: đẩy nhanh tiến độ hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân để thúc đẩy phát triển kinh tế, thu hút khách du lịch đến thị xã Đông Triều và tăng cường hợp tác liên vùng, liên tỉnh;

- Đường thủy: Nâng mớn nước tối đa tại cảng Bến Cân lên 4.000 - 5.000 DWT (tấn); nghiên cứu xây dựng cảng tại khu vực xã Yên Đức phục vụ vận chuyển vật liệu xây dựng, tại khu vực xã Hồng Thái Tây phục vụ vận chuyển than của Tổng Công ty Đông Bắc;

b) Hạ tầng cấp điện:

Tập trung đầu tư xây dựng và nâng cấp các hạ tầng lưới điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và sinh hoạt, đặc biệt đảm bảo việc cấp điện ổn định cho các khu vực chiến lược quan trọng bao gồm cụm công nghiệp, khu dân cư đô thị và các điểm tham quan du lịch quan trọng, đảm bảo an toàn cho nguồn điện và lưới điện.

Nghiên cứu áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của nhà máy nhiệt điện đảm bảo phát triển bền vững trong tương lai; Nâng cấp đường dây cáp điện LVAC (6kV) lên cấp MVAC (22kV), đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng trạm biến áp 110kV Trảng Bạch (xã Kim Sơn) đảm bảo mục tiêu 100% hộ gia đình được sử dụng lưới điện Quốc gia sau năm 2015 và cải thiện tỷ lệ kết nối lưới điện cho tất cả các lĩnh vực kinh tế quan trọng và cho 100% hộ gia đình đến năm 2020 nhằm nâng cao mức sống của người dân trong thị xã.

c) Cấp, thoát nước và thủy lợi:

- Cấp nước: Nâng cấp hệ thống cấp nước hiện tại để giảm thất thoát nước. Đầu tư công nghệ hiện đại theo dõi và giám sát tỷ lệ thất thoát nước.

Xây dựng được một mạng lưới cung cấp nước bao gồm hệ thống nước máy, giếng nước và bể chứa nước công cộng để đảm bảo đủ nước cho nhân dân.

- Thoát nước: Xây dựng được một hệ thống thoát nước phù hợp tại thị xã Đông Triều để thu thập, xử lý và thải nước thải đúng cách tại các cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung; đầu tư xây dựng trạm xử lý nước tại Hồng Phong để xử lý nước khu vực phía Tây, trạm xử lý nước tại Mạo Khê xử lý nước khu vực Mạo Khê, trạm xử lý nước tại Hoàng Quế xử lý nước khu vực các xã phía Đông. Tạo ra một môi trường đô thị sống tốt hơn và sạch hơn, đồng thời giảm tình trạng thải trực tiếp nước ô nhiễm ra ngoài môi trường.

- Thủy lợi: Tiếp tục nâng cấp các mạng lưới thủy lợi chính (hồ chứa và đập), nâng cao công suất của các trạm bơm, hệ thống đê điều để phục vụ sản xuất nông nghiệp, phấn đấu đáp ứng 100% nhu cầu sản xuất nông nghiệp đến năm 2020.

d) Thông tin liên lạc:

- Phát triển một nền tảng hạ tầng vững chắc để chia sẻ thông tin và truyền thông qua Internet, tăng tính hiệu quả và minh bạch của các dịch vụ công cộng đồng thời giúp cho cả chính quyền và người dân nắm rõ hơn về hoạt động cung cấp và duy trì các dịch vụ công.

- Đảm bảo phủ sóng wifi, 3G và mạng di động cho các địa điểm du lịch quan trọng trong tương lai. Hiện đại hoá cơ sở hạ tầng viễn thông để mở rộng vùng phủ sóng. Xây dựng các “trung tâm kỹ thuật” địa phương nhằm mở rộng phủ sóng 3G cho khách hàng. Cải thiện độ bao phủ của bưu chính và dịch vụ bưu chính, đặc biệt tại các khu, cụm công nghiệp, đô thị mới.

e) Phát triển kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp và nông nghiệp:

- Tập trung hoàn thiện hạ tầng tại Cụm công nghiệp Kim Sen, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hồng Thái Tây nhằm thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư có tiềm năng.

- Đối với khu công nghiệp Đông Triều tại xã Hồng Thái Đông (dự kiến diện tích 350ha, trong đó giai đoạn 1 là 150ha); Cụm công nghiệp Bình Khê (dự kiến diện tích 90ha) phát triển theo thời gian và lộ trình thực tiễn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

6. Bảo vệ môi trường

- Tập trung giải quyết dứt điểm những thách thức môi trường cấp bách như giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc khai thác than và các hoạt động công nghiệp đối với môi trường và xây dựng một hệ thống giải pháp đáng tin cậy để bảo vệ môi trường, nhằm đạt được mục tiêu chiến lược tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh. Phấn đấu đến năm 2025: 100% dân số đô thị, 95% dân số nông thôn được dùng nước sạch; 100% các hồ và 80% các cơ sở khai thác than và công nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn môi trường quốc gia.

- Kết hợp các mục tiêu phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ môi trường tự nhiên để phát triển một cách bền vững và không gây ra những tổn hại vĩnh viễn đối với môi trường tự nhiên; Xây dựng môi trường đô thị xanh

và sạch, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; Tiếp tục chuyển đổi từ nền kinh tế từ “nâu” sang “xanh”, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp xanh đặc biệt là ngành du lịch và dịch vụ, đồng thời giảm thiểu những tổn hại đối với môi trường từ các ngành công nghiệp cần nhiều năng lượng và gây ô nhiễm; Xử lý nghiêm những vi phạm về môi trường và ngăn chặn các vi phạm trong tương lai thông qua việc thực thi nghiêm ngặt và đưa ra những ưu đãi khuyến khích các bên liên quan thực hiện theo hướng đảm bảo môi trường bền vững.

- Chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng quản lý chất thải để giảm lượng chất thải chưa qua xử lý thải ra môi trường; tập trung cải thiện tình trạng thiếu kỹ năng và tăng năng suất trong ngành công nghiệp quản lý chất thải bằng cách đầu tư nâng cấp đội xe và đào tạo chuyên môn phù hợp. Phấn đấu đến năm 2020: 95% chất thải rắn đô thị được thu gom; 85% chất thải nguy hại được xử lý một cách an toàn và tiêu hủy sau khi xử lý; 90% chất thải rắn được thu gom, xử lý theo quy định hiện tại của quốc gia. Đến năm 2025: 100% chất thải rắn đô thị và công nghiệp được thu gom và xử lý; 90% chất thải rắn ở các khu vực xây dựng đô thị; 40% ở các khu dân cư nông thôn; 50% ở các làng xã nông thôn.

7. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh

Tăng cường tiềm lực, lực lượng quốc phòng, an ninh, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn, xây dựng khu vực phòng thủ địa phương ngày càng vững chắc; phát huy tiềm năng, vị thế của thị xã, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

IV. Tổ chức không gian lãnh thổ

1. Định hướng phát triển trong mối quan hệ vùng, bố trí không gian mở

Xác định rõ ranh giới các khu vực dành cho điểm thăm quan du lịch, khu nông nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị và các tuyến giao thông chính; phối hợp với các địa phương lân cận trong sử dụng đất và quy hoạch đô thị để không gây mâu thuẫn và xung đột giữa các địa phương. Xây dựng thị xã Đông Triều thành đô thị cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh. Đông Triều phát triển khai thác than hài hòa, vật liệu xây dựng, điện ...; phát triển du lịch dịch vụ gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị khu di tích lịch sử văn hóa nhà Trần tại Đông Triều; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trở thành trọng điểm sản xuất, chế biến nông nghiệp lớn của tỉnh.

2. Định hướng phân bố không gian lãnh thổ

a) Khu vực nội thị: Phát triển hai bên đường Quốc lộ 18 từ xã Thủy An đến xã Yên Thọ; không gian khu vực nội thị chia thành 3 khu vực chính:

- Khu vực 1: Gồm 03 phường Đông Triều, Hung Đạo, Đức Chính, không gian đô thị được phát triển mở rộng về hai bên đường tránh Đông Triều, đường vành đai phía Nam. Chức năng là khu hành chính, dịch vụ du lịch.

- Khu vực 2: Gồm 02 phường Xuân Sơn và Kim Sơn. Không gian đô thị được phát triển mở rộng về hai phía Bắc và Nam trục Quốc 18 hiện nay. Phía Bắc giáp đến đường sắt Kép - Bãi Cháy, phía Nam giáp đến sông Đá Vách. Chức năng là trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ

- Khu vực 3: Gồm toàn bộ phường Mạo Khê hiện nay; không gian đô thị được phát triển mở rộng chủ yếu về phía Nam, phía Đông. Chức năng là trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại

b) Tổ chức không gian khu vực ngoại thị:

Các xã còn lại là Bình Dương, An Sinh, Việt Dân, Hoàng Quế, Tân Việt, Tràng An, Nguyễn Huệ, Thủy An, Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây, Tràng Lương, Bình Khê, Yên Đức, từng bước đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư xây dựng 4 trung tâm cụm xã là: Bình Dương, An Sinh, Việt Dân, Hoàng Quế và xây dựng thêm trung tâm cụm xã tại Bình Khê. Các trung tâm cụm xã này sẽ phát triển thành các thị tứ dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho khu vực nông thôn.

c) Khu vực phát triển du lịch sinh thái, du lịch tâm linh trên cơ sở gắn kết với khu di tích Nhà Trần, cảnh quan tự nhiên (các hồ nước, đồi núi tại khu vực phía Bắc của thị xã) tại khu vực phía Bắc của thị xã Đông Triều.

3. Định hướng phát triển đô thị

- Xây dựng tập trung, kết nối 2 đô thị Đông Triều và Mạo Khê thành một đô thị lớn (đô thị loại III đến năm 2020) khang trang xứng tầm là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, gắn xây dựng đô thị với xây dựng nông thôn mới. Phát triển đô thị Đông Triều theo 03 phân khu:

(1) 03 phường: Đông Triều, Hung Đạo, Đức Chính: Khu hành chính, du lịch.

(2) Phường Xuân Sơn và phường Kim Sơn, mở rộng ra phía Bắc và Nam đến sông Đá Vách: Phát triển Công nghiệp - Dịch vụ.

(3) phường Mạo Khê: Trung tâm thương mại - dịch vụ - công nghiệp.

- Phát triển đô thị, kết hợp phát triển thương mại tập trung xung quanh các đầu mối giao thông chính như Quốc lộ 18 và các Tỉnh lộ như 333 và 332. Tập trung đầu tư vào cơ sở hạ tầng đô thị quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông vận tải và phát triển bền vững môi trường, chú trọng phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng tại 6 phường hiện có và tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã dự kiến phát triển thành phường trong tương lai. Phát triển các cộng đồng dân cư tại các xã lân cận hoặc mở rộng các khu đô thị hiện nay, nhằm giảm mật độ dân cư và mức độ hoạt động tại các khu đô thị quan trọng (Đông Triều, Mạo Khê).

V. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn Thị xã Đông Triều giai đoạn 2015 - 2030 cụ thể tại Phụ lục đính kèm.

VI. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp huy động vốn

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2014-2020 dự kiến khoảng 47 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chiếm khoảng 11% tương đương 5.000 tỷ đồng chủ yếu tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống người dân, cấp vốn vay trong các chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án giảm nghèo. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn này để đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, các công trình xã hội quan trọng khác.

- Chủ động phối hợp với Ban xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư để nâng cao năng lực hoạt động xúc tiến đầu tư của thị xã, củng cố các lợi thế sẵn có để xây dựng một môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi; nâng cao cách thức tiếp cận mang tính hệ thống cho việc lựa chọn và tiếp cận các nhà đầu tư, tăng tỷ trọng vốn FDI trong tổng đầu tư toàn xã hội. Trong quá trình triển khai quy hoạch cần rà soát tổng thể các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch cho phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, xem xét, cụ thể hóa và tăng cường các giải pháp thực hiện quy hoạch, thực hiện sâu rộng và triệt để cải cách hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tập trung huy động vốn đầu tư từ bên ngoài theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Thu hút lao động từ các huyện, thành phố và các tỉnh khác để giải quyết yêu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng của thị xã trong các ngành như chế biến, vận tải, du lịch và thương mại; Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động sẵn có; Xây dựng và tạo sự quan tâm đối với việc học nghề, thông qua chiến lược mục tiêu toàn diện. Chuyển dịch lực lượng lao động theo hướng tập trung vào các ngành công nghiệp và dịch vụ: chuyển dịch lao động từ nông nghiệp, than sang các ngành khác, đặc biệt là ngành du lịch và chế biến, chế tạo với các chương trình ưu đãi cho lao động trong các ngành này; Phát triển dịch vụ đào tạo, xây dựng tính chuyên nghiệp, đào tạo ngoại ngữ cho lực lượng lao động sẵn có và cho học sinh, sinh viên.

- Hội nhập vào định hướng phát triển chung của cỗ máy nhân lực của tỉnh. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực, sức chiến đấu, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tinh giản bộ máy, biên chế. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chính quyền trong nỗ lực phát triển nhân lực; Xây dựng năng lực của đội ngũ công chức cán bộ chất lượng cao; Xây dựng và tăng cường hệ thống phản hồi, quản lý kết quả thực hiện để nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh sinh viên và người lao động.

3. Nhóm giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ: xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai các sáng kiến và chính sách về khoa học công nghệ cấp tỉnh và cấp Trung ương; Nghiên cứu xây dựng khung chính sách để khuyến khích các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đầu tư và tham gia phát triển

các sáng kiến khoa học công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề về môi trường, biến đổi khí hậu và tăng trưởng bền vững ...

- Chú trọng vào chuyên gia công nghệ, chủ động áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật (đặc biệt là công nghệ thông tin) trong sản xuất và đời sống; Tăng cường phối hợp với các trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước, gắn kết nghiên cứu với sản xuất, nâng cao năng lực và chuyên gia kiến thức. Tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức về khoa học và công nghệ của các cán bộ công chức thị xã Đông Triều và người dân nói chung. Xây dựng chương trình khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các công nghệ sản xuất mới và sạch hơn...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính công, ưu tiên đầu tư và đưa vào sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử trong quá trình giải quyết công việc giữa Thị xã với người dân. Tăng cường nghiên cứu trong các chương trình khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Phát triển các chương trình khoa học và công nghệ trong nông nghiệp và phát triển nông nghiệp:

4. Nhóm giải pháp về chính sách và cải cách hành chính

- Tăng cường sự tham gia xây dựng chính sách của người dân và doanh nghiệp thông qua việc trao đổi thường xuyên hoặc thông qua các diễn đàn chính thức; Thành lập Trung tâm hành chính công, nghiên cứu vận dụng các kinh nghiệm thực tiễn của Trung tâm hành chính công để nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chính quyền ở thị xã Đông Triều.

- Đảm bảo Luật Đất đai được thực thi hiệu quả bằng cách vận dụng triệt để những sửa đổi, bổ sung mới về tiêu chí và quy trình thu hồi đất bắt buộc để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng, cải thiện tính công bằng và minh bạch trong bồi thường đất và tài sản, tăng cường quy hoạch tái định cư để hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của quy trình, tăng cường phối hợp với các Sở/Ban/Ngành thuộc tỉnh và Tỉnh.

5. Nhóm giải pháp về hợp tác trong nước và quốc tế

- Về hợp tác trong nước: hợp tác đẩy mạnh kết nối đồng bộ hệ thống giao thông, thiết lập khuôn khổ hợp tác với các địa phương khác trong và ngoài Tỉnh... nhằm thúc đẩy thông thương, giao lưu văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hợp tác phát triển các cụm và tuyến du lịch, thiết lập chiến lược quảng bá chung giữa các địa phương nhằm khuyến khích khách du lịch tham quan nhiều địa điểm du lịch trong Tỉnh; hợp tác phát triển hạ tầng giao thông riêng biệt phục vụ cho du lịch nhằm vận chuyển khách du lịch giữa các điểm du lịch; cùng chia sẻ cơ sở hạ tầng quản lý chất thải với các địa phương lân cận, đặc biệt là khu xử lý rác thải và hệ thống tái chế; Thống nhất và hợp tác về các mục tiêu và quy trình thực thi bảo vệ môi trường;

- Về hợp tác quốc tế: đẩy mạnh hợp tác xúc tiến đầu tư để giới thiệu và thu hút các tổ chức và cá nhân nước ngoài mong muốn đầu tư tại địa phương; tăng cơ hội tiếp cận nền giáo dục quốc tế cho học sinh, sinh viên và người dân địa phương... Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh đối với các lĩnh vực có thế mạnh của địa phương, hợp tác chuyển giao công nghệ...

6. Các giải pháp về sử dụng đất

Triển khai thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất của thị xã đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên nguyên tắc ưu tiên triển khai đất hiệu quả hơn theo mục đích sử dụng nhằm đảm bảo các dự án ưu tiên sẽ không bị chậm trễ. Coi trọng và thực hiện việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất một cách thường xuyên, liên tục và kịp thời.

7. Nhóm giải pháp về tổ chức, điều hành, thực hiện và quản lý quy hoạch

Nghiên cứu thành lập Ban triển khai Quy hoạch ngay sau khi quy hoạch được duyệt nhằm tổ chức quản lý, triển khai thực hiện và đảm bảo việc thực hiện các dự án ưu tiên của Quy hoạch đạt chất lượng và đúng tiến độ.

8. Các giải pháp phát triển khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Cải thiện môi trường kinh doanh đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng và tính minh bạch trong đấu thầu; xây dựng năng lực quản lý và vận hành doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng việc xây dựng, giới thiệu và liên kết công thông tin doanh nghiệp vừa và nhỏ của địa phương với công thông tin quốc gia; cung cấp thông tin về các chính sách hiện có tại địa phương; liên kết với các trường dạy nghề và các hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ để đảm bảo thống nhất chương trình đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp;

- Cải thiện khả năng tiếp cận vốn, tư vấn trực tuyến thông qua công thông tin doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh và trực tiếp về quy trình hồ sơ xin vay vốn; cung cấp thông tin về các chương trình có sử dụng và hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước...Hỗ trợ văn hóa khởi nghiệp, hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ để tổ chức triển lãm doanh nghiệp vừa và nhỏ thường niên; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp ở trường học, hợp tác với hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ và danh nghiệp nhà nước tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp...

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH:

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt, UBND thị xã Đông Triều tổ chức công bố, công khai, phổ biến đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong thành phố và tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện, giám sát, kiểm tra đạt kết quả. 2. Cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các Kế hoạch 5 năm, Kế hoạch hàng năm để thực hiện và đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ. Nghiên cứu, triển khai thực hiện các quy hoạch cấp thành phố theo quy định, xây dựng các kế hoạch để thực hiện quy hoạch đạt kết quả và hiệu quả cao. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

3. Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là định hướng cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong Quy hoạch này chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các cơ quan của Trung ương và các Sở, ban ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt theo thẩm quyền và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch chung xây dựng phát triển đô thị và các quy hoạch, đề án của thành phố, quy hoạch các điểm dân cư, kế hoạch sử dụng đất, các dự án đầu tư trên các lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển toàn diện và đồng bộ.

2. Nghiên cứu xây dựng đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quy trình của Nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để có lộ trình thực hiện Quy hoạch theo đúng yêu cầu.

3. Lập các Kế hoạch 5 năm, Kế hoạch hàng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể ưu tiên để có Kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

Điều 4. Giao các Sở, Ban ngành trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với UBND thị xã Đông Triều trong quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; trong việc nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng giai đoạn; hỗ trợ Thành phố trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô và có vai trò quan trọng, động lực đối với sự phát triển của Thành phố đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này ban hành kèm theo Thuyết minh báo cáo tổng hợp, thuyết minh Quy hoạch đã được Ủy ban Nhân dân thị xã Đông Triều ký trình phê duyệt; có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh "V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020".

Điều 6. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Đông Triều; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
 - Như điều 3 (thực hiện);
 - UBND TP Uông Bí;
 - V0-V4, QLĐĐ1-2, QH2-3, XD1-3, GT1-2, MT, KHCN, CN1, TH1-3;
 - Trung tâm Thông tin;
 - Lưu: VT, QH1.
- 50bản-QĐ124-06

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**

Số: 1532/SY-UBND

Nơi nhận:

- Thường trực Thị ủy
- TT HĐND, TT UBND thị xã
- Các đ/c BCH
- Các CQCM- ĐVSN thị xã
- MTTQ, các đoàn thể
- UBND các xã, phường
- Lưu

SAO Y BẢN CHÍNH
Đông Triều, ngày 18 tháng 6 năm 2015
**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Quốc Hùng